

Bản án số: 75/2022/DS-ST

Ngày: 18 - 8 - 2022

V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc H.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Dáng H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-DS ngày 06/4/2022 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2022/QĐXX-DS ngày 12/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower - 111A Pasteur, phường B, quận 1, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Diệp Hoàng A; ông Huỳnh Tấn Công H và ông Đặng Bửu Đ. Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Giấy ủy quyền số 00796822 ngày 15/02/2022 của Ngân hàng TMCP Q).

Địa chỉ: tầng 6, tòa nhà Paxsky, số 26, đường U, phường 25, quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: bà Huỳnh Thị V , sinh năm 1993.

Địa chỉ: tổ 02, ấp T, xã V , huyện T , tỉnh A .

(Đại diện nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn Công H có mặt, bị đơn vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (do ông Huỳnh Tấn Công H, đại diện) trình bày:

- Ngày 25/8/2020, bà Huỳnh Thị V có đến Ngân hàng TMCP Q ký hợp đồng tín dụng số 6831132.20 để vay số tiền 655.000.000 đồng. Mục đích vay: để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA. Thời hạn vay: 96 tháng (từ ngày 27/8/2020 đến ngày 26/8/2028). Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9.4%/năm và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn trên, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định của NH tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; thời hạn trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng trả 6.830.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 6.150.000 đồng. Kỳ hạn trả nợ đầu tiên vào ngày 25/9/2020; Kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà V theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8685368.20 ngày 26/8/2020 với số tiền 655.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng. Khi vay, bà V có thể chấp tài sản là bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (phương tiện vận tải) do Công an tỉnh A cấp cho bà Huỳnh Thị V, số khung RN2KW5726LM035754, số loại: CX-5 2.OG AT 2WD KW, nhãn hiệu: MAZDA, loại xe ô tô con, số máy PE50234908, màu sơn: trắng, biển số 67A- 147.36 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 8830839.20 ngày 25/8/2020.

Sau khi vay, bà Huỳnh Thị V không thực hiện đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 25/5/2021 bà V đã trả cho Ngân hàng được tổng số 94.214.401 đồng (trong đó vốn 54.714.646 đồng và lãi 39.499.755 đồng) thì ngưng đến nay. Nay, bà Huỳnh Thị V còn nợ số tiền của Hợp đồng tín dụng số 6831132.20 là 732.423.622 đồng (trong đó gốc: 600.285.354 đồng, lãi: 132.138.268 đồng).

- Cùng ngày 25/8/2020, bà Huỳnh Thị V có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Huỳnh Thị V với hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, loại thẻ VIB Happy Drive, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ, bà V có thực hiện việc đóng lãi và trả gốc cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay bà V vẫn còn nợ 97.460.763 đồng (trong đó gốc: 41.610.502 đồng, lãi 15.892.654 đồng, tiền phí thẻ: 39.957.607 đồng).

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay, bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần cử nhân viên đến gặp bà Huỳnh Thị V để thu hồi gốc, lãi nhưng bà V cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Khi vay tiền, bà Huỳnh Thị V có ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 8830839.20 ngày 25/8/2020, nhưng Ngân hàng không yêu cầu giải quyết Hợp đồng thế chấp này.

Nay, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà Huỳnh Thị V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/8/2022, đối với Hợp đồng tín dụng là 732.423.622 đồng (gốc 600.285.354 đồng, lãi 132.138.268 đồng) và nợ Thẻ tín dụng 97.460.763 đồng (trong đó gốc: 41.610.502 đồng, lãi 15.892.654 đồng, tiền phí thẻ: 39.957.607 đồng). Như vậy, tổng số tiền gốc, lãi bà V phải trả cho Ngân hàng là 829.884.383 đồng; đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi bà V thanh toán dứt nợ.

Bị đơn bà Huỳnh Thị V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 18/8/2022 đối với hợp đồng tín dụng là 732.423.622 đồng (gốc 600.285.354 đồng, lãi 132.138.268 đồng) và nợ thẻ tín dụng 97.460.763 đồng (trong đó gốc: 41.610.502 đồng, lãi 15.892.654 đồng, tiền phí thẻ: 39.957.607 đồng).

Tổng cộng 829.884.385 đồng (trong đó nợ gốc là 641.895.856 đồng; lãi, phí là 187.988.529 đồng).

Tiếp tục tính lãi suất chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ.

+ Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Huỳnh Thị V là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Huỳnh Thị V có địa chỉ tại xã Vọng Thê, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Huỳnh Thị V đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà V đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo thủ tục chung.

- Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2022 được Công an xã V, huyện T cung cấp thông tin như sau: bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1993 có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A nhưng vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu.

[4] Về nội dung: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện bà Huỳnh Thị V để yêu cầu trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày 18/8/2022 là 829.884.383 đồng, (trong đó nợ gốc 641.895.856 đồng; lãi 187.988.529 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6831132.20 và Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cùng ngày 25/8/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[4.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 6831132.20, ngày 25/8/2020 thấy rằng, bà Huỳnh Thị V có đến Ngân hàng TMCP Q ký Hợp đồng tín dụng số 6831132.20 để vay số tiền 655.000.000 đồng. Mục đích vay: mua xe ô tô. Thời hạn vay là 96 tháng. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9.4%/năm và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay; hết thời hạn trên lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định của NH tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; thời hạn trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng trả 6.830.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 6.150.000 đồng; Kỳ hạn trả nợ đầu tiên vào ngày 25/9/2020; kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Từ khi vay đến ngày 25/5/2021, bà V không thực hiện nghĩa vụ theo đúng phân kỳ của Ngân hàng mà chỉ trả tổng số tiền gốc, lãi là 94.214.401 đồng (trong đó gốc 54.714.646 đồng và lãi 39.499.755 đồng) thì ngưng cho đến nay.

Do bà V không thực hiện đúng nghĩa vụ theo phân kỳ nên Ngân hàng yêu cầu bà V trả số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng là 732.423.622 đồng (gốc 600.285.354 đồng; lãi 132.138.268 đồng) là có căn cứ.

[4.2] Xét Hợp đồng Thẻ tín dụng (Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản), thấy rằng: bà V có ký Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/8/2020. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho bà V với hạn mức 40.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà V có rút tiền và đóng lãi cho Ngân hàng nên còn nợ lại tổng số gốc, lãi là 97.460.763 đồng (trong đó gốc 41.460.763 đồng; lãi 15.892.654 đồng; phí thẻ 39.957.607

đồng). Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán Thẻ tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu bà V trả số tiền 97.460.763 đồng là có căn cứ.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà V không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ trên.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Huỳnh Thị V là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398, 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu bà V trả số tiền gốc và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, có đủ căn cứ buộc bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 18/8/2022 của Hợp đồng tín dụng và nợ Thẻ tín dụng là 829.884.383 đồng (trong đó nợ gốc 641.895.856 đồng; lãi 187.988.529 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[7] Xét hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải thấy rằng, giữa bà Huỳnh Thị V và Ngân hàng TMCP Q có ký kết Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 8830839.20 ngày 25/8/2020 nhưng Ngân hàng không yêu cầu giải quyết hợp đồng thế chấp này; bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với hợp đồng thế chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị V bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[9] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 119, 398, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 18/8/2022 là 829.884.385 đồng (tám trăm hai mươi chín triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó gốc 641.895.856 đồng; lãi 187.988.529 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Huỳnh Thị V phải chịu 36.896.532 đồng (ba mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 15.350.827 đồng (mười lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009088, ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H